

Số: /QĐ-SLĐTBXH

Sơn La, ngày tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung danh mục dữ liệu mở
ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025**

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND tỉnh Sơn La về Ban hành Kế hoạch Cung cấp dữ liệu mở trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 4848/QĐ-SLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung danh mục dữ liệu mở của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2023 - 2025 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Việc cung cấp dữ liệu mở thực hiện theo Quyết định số 4848/QĐ-SLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sơn La giai đoạn 2023 - 2025.

Điều 3. Chánh văn phòng Sở, trưởng các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở TTTT;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tuấn Anh

Phụ lục

DANH MỤC DỮ LIỆU MỞ BÃI BỎ, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SLĐTBXH ngày /10/2024)

I. DANH MỤC DỮ LIỆU MỞ SỬA ĐỔI TÊN

TT	Tên dữ liệu theo quyết định số	Tên dữ liệu sửa đổi	Đơn vị chủ trì cung cấp	Kỳ cập nhập
1	Dữ liệu về tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi phân theo địa phương	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	Phòng Lao động việc làm và Giáo dục nghề nghiệp	6 tháng và năm
2	Dữ liệu về lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm phân theo loại hình kinh tế	Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động có khả năng lao động chia theo các thành phần kinh tế	Phòng Lao động việc làm và Giáo dục nghề nghiệp	1 năm

II. DANH MỤC DỮ LIỆU BÃI BỎ

1	Dữ liệu về cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng		Phòng Người có công	
---	--	--	---------------------	--

III. DANH MỤC DỮ LIỆU MỞ BỔ SUNG

TT	Tên dữ liệu	Mô tả	Đơn vị chủ trì cung cấp	Kỳ cập nhập
1	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội trên lực lượng lao động trong độ tuổi	- Chỉ tiêu - Năm (trước kỳ báo cáo) (%) - Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 (%)	Phòng Lao động việc làm và Giáo dục nghề nghiệp	6 tháng và năm

2	Dữ liệu Danh sách đối tượng điều dưỡng tập trung hằng năm	- Họ và tên - Năm sinh - Địa chỉ - Đối tượng	Phòng Người có công	Quý IV hằng năm
3	Dữ liệu Kết quả cung cấp dịch vụ việc làm	- Tư vấn việc làm và cung ứng lao động - Tuyên truyền chính sách pháp luật về việc làm, tư vấn giới thiệu việc làm, định hướng nghề nghiệp và thông tin thị trường lao động - Giới thiệu việc làm, cung ứng lao động - Lao động đi làm việc trong nước - Lao động đi làm việc ở nước ngoài - Giải quyết chính sách Bảo hiểm thất nghiệp - Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ học nghề - Số người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp - Số người ở địa phương khác chuyển đến - Số nộp hồ sơ qua cổng Dịch vụ công Quốc gia	Trung tâm Dịch vụ việc làm	6 tháng và năm
4	Dữ liệu về hoạt động Tư vấn Việc làm và cung ứng lao động	- Tư vấn giới thiệu việc làm - Đối tượng lao động đang hưởng chính sách bảo hiểm thất nghiệp - Đối tượng lao động khác trong tỉnh - Kết nối việc làm thành công - Trong tỉnh - Ngoài tỉnh - Ngoài nước - Trung tâm trực tiếp cung ứng	Trung tâm Dịch vụ việc làm	6 tháng và năm
5	Dữ liệu các cơ sở liên kết đào tạo nghề cho đối tượng BHTN	- Tên trường - Nghề đào tạo - Trình độ - Địa điểm đào tạo	Trung tâm Dịch vụ việc làm	1 năm